TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ- ST

Ngày 15/01/2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nông Đình Đoài**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Bà Phan Thị Trúc Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2017/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Phú C, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: số 148, ấp T P A, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*:** Lưu Phương L, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 304, ấp T H B, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Phạm Phú C trình bày: tôi và cô Lưu Phương L chung sống với nhau vào ngày 22 tháng 01 năm 2006, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/01/2006. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 03 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng đến tháng 5 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi tự ý bỏ về nhà cha mẹ vợ sinh sống thuộc ấp T H B, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang. Tôi có đến nhà cha mẹ vợ nhiều lần nhưng vợ tôi không chịu gặp tôi và cha mẹ vợ nói với tôi là không biết vợ tôi ở đâu.Từ đó tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp và vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa anh C yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với cô Lưu Phương L.

Về quan hệ con chung: không có

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn chị Lưu Phương L trình bày**: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho chị Lưu Phương L theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Lưu Phương L với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Lưu Phương L, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của anh C về quan hệ hôn nhân, anh xin được ly hôn với chị Lưu Phương L là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị L hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, anh C nhiều lần đến nhà cha mẹ vợ để gặp chị L hòa giải nhưng chị L cố tình tránh mặt, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của anh C xin được ly hôn với chị L được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Do anh C và chị L không có con chung nên Tòa miễn xét.

[5] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do anh C và chị L không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Anh C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007624 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Phú C và chị Lưu Phương L được ly hôn.

2. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Phạm Phú C nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007624 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh C đã nộp đủ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh Phạm Phú C biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho chị Lưu Phương L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Đình Đoài

Nông Đình Đoài